

Bản án số: 10/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 29-3-2023

V/v tranh chấp Hôn nhân & gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ỨNG HÒA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thiện

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hạ Tuấn và ông Đặng Việt Côi

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Duyên, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ứng Hoà, thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ứng Hoà tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Khuyến, Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 3 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ứng Hoà, thành phố Hà Nội, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 17/2023/TLST- HNGĐ ngày 17 tháng 01 năm 2023 về “Tranh chấp Hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị Bích N - sinh năm 1988 (có mặt)

Nơi ĐKKHKT: Thôn B, xã H1, huyện U, thành phố Hà Nội

2. Bị đơn: Anh Dương Văn H – sinh năm 1986 (có mặt)

Nơi ĐKKHKT: Thôn B, xã H1, huyện U, thành phố Hà Nội

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn ly hôn và các buổi làm việc tại Tòa chị Hoàng Thị Bích N là nguyên đơn trình bày: chị và anh Dương Văn H qua một thời gian tìm hiểu thì cả hai kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã H1 năm 2013. Sau khi kết hôn, hai vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, không thể tìm thấy tiếng nói chung. Bản thân anh H không tu chí làm ăn, chơi bời; thường xuyên cờ bạc, nợ nần rồi mang xe, tài sản có giá trị của gia đình đi cầm đồ; đi bán; anh H có biểu hiện nghiện ma túy. Chị và gia đình đã khuyên bảo nhiều lần nhưng anh H không thay đổi mà còn liên tục chửi đánh và đuổi chị ra khỏi nhà. Chị đã nhẫn nhịn vì con để chung sống nhưng càng ngày anh H càng quá đáng hơn nên chị không thể chịu đựng được. Vì vậy, chị đã về ngoại sống ly thân được mấy tháng nay. Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt nên chị cương quyết xin

ly hôn anh H. Về con chung: có 02 con chung là Dương Huyền A – sinh ngày 27/4/2014 và Dương Thị Bảo C – sinh ngày 02/01/2018. Hiện hai cháu đang ở với anh H. Khi ly hôn, chị đề nghị Tòa giải quyết cho chị được nuôi cả hai con vì hai cháu là con gái và đều có nguyện vọng ở với mẹ. Bản thân chị làm công nhân có mức thu nhập ổn định để chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai con. Trong khi đó, anh H thì chơi bời, không có công ăn việc làm. Trong thời gian sống ly thân, chị vẫn thường xuyên về thăm gặp con và đóng tiền học cho con. Chị nuôi con sẽ không yêu cầu anh H cấp dưỡng. Bản thân chị cũng đang ở ổn định tại thôn Kim Bông, xã Kim Đường. Về tài sản, công nợ chung: Chị không yêu cầu đề nghị Tòa giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai và các buổi làm việc tại Tòa anh Dương Văn H trình bày: anh và chị N qua một thời gian tìm hiểu thì cả hai kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã H1 năm 2013. Cuộc sống chung của hai vợ chồng diễn ra bình thường. Anh không đồng ý chị N viết đơn ly hôn là anh nghiện ma túy. Vợ chồng đã sống ly thân mấy tháng. Nay chị N có đơn ly hôn quan điểm của anh là nếu chị N viết lại đơn thì anh đồng ý ly hôn, còn không anh không đồng ý; đề nghị Tòa giải quyết theo quy định pháp luật. Về con chung có 02 con chung như chị N trình bày: quan điểm của anh ai nuôi con cũng được nhưng phải nuôi cả hai con. Xong hiện tại các cháu đang ở ổn định với anh nên anh đề nghị Tòa giải quyết cho anh được nuôi hai con và không yêu cầu chị N cấp dưỡng. Khi nào ông bà ngoại các cháu cho chị N đất, chị N làm nhà mà đất phải có sổ đỏ đứng tên chị thì anh sẽ để chị N nuôi cả hai con. Hiện tại anh đang sửa xe ô tô ở Hà Nội, có thu nhập ổn định. Về tài sản, công nợ chung: anh không đề nghị Tòa giải quyết.

Tại phiên tòa:

+ Chị Hoàng Thị Bích N vẫn giữ nguyên quan điểm, không xuất trình thêm tài liệu chứng cứ nào khác

+ Anh Dương Văn H có quan điểm: anh không chấp nhận đơn ly hôn của chị N; anh chỉ đồng ý ly hôn khi anh được nuôi hai con và anh H không xuất trình thêm tài liệu chứng cứ nào khác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ứng Hòa có quan điểm: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thực hiện đầy đủ các quy định về tố tụng dân sự như tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho các đương sự, tạo điều kiện cho họ được trình bày quan điểm, tiến hành hòa giải theo đúng quy định. Hội đồng tiến hành xét xử vụ án đúng quy định của pháp luật. Về nội dung vụ án: đề nghị Tòa giải quyết xử cho chị Hoàng Thị Bích N được ly hôn anh Dương Văn H. Về con chung, giao chị N là người trực tiếp trong nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục tất cả 02 con là cháu Dương Huyền A – sinh ngày 27/4/2014 và Dương Thị Bảo C – sinh ngày 02/01/2018; tạm hoãn tiền cấp dưỡng nuôi con đối với anh H cho đến khi có thay đổi khác; anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai cản trở. Chị N phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên Tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thực hiện tố tụng của Tòa án:

Về phạm vi khởi kiện, quan hệ pháp luật: Chị Hoàng Thị Bích N có đơn xin đề nghị Tòa án nhân dân huyện Ứng Hòa giải quyết cho chị được ly hôn anh Dương Văn H và nuôi con chung. Do vậy, đây là tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo khoản 1 Điều 28 BLTTDS.

Về thẩm quyền: Quan hệ pháp luật là tranh chấp Hôn nhân và gia đình, bị đơn là anh Dương Văn H có đăng ký nơi cư trú: thôn B, xã H1, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội theo điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, sau khi đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ứng Hòa phát biểu xong, anh Dương Văn H tự ý bỏ ra về.

[1.2] Về chứng cứ: Tại biên bản về kiểm tra việc giao nộp chứng cứ và các tài liệu được công bố tại phiên tòa; các đương sự đều xác nhận các tài liệu giao nộp đầy đủ trong hồ sơ vụ án, không còn tài liệu chứng cứ nào khác cần bổ sung. Các đương sự đã được tiếp cận toàn bộ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ do các đương sự cung cấp; không có ý kiến nào phản đối về chứng cứ. Do vậy, những tài liệu có trong hồ sơ vụ án mà Tòa án sử dụng làm căn cứ giải quyết, đủ điều kiện là chứng cứ theo Điều 92, Điều 93 của BLTTDS.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị Bích N và anh Dương Văn H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H1, huyện Ứng Hòa, TP. Hà Nội ngày 04/11/2013 là hôn nhân hợp pháp. Sau một thời gian chung sống hạnh phúc thì xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, không tìm thấy tiếng nói chung; thường xuyên xảy ra xô xát, anh H không tu chí làm ăn, chơi bời, nợ nần và đánh chửi chị N. Vì nguyên nhân vậy nên cuộc sống hôn nhân của hai anh chị lâm vào tình trạng trầm trọng, vợ chồng đã sống ly thân mấy tháng. Trong thời gian sống ly thân, không ai quan tâm đến ai; không có trách nhiệm với nhau. Qua xác minh tại chính quyền địa phương cung cấp: cuộc sống chung giữa vợ chồng chị N và anh H liên tục xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, anh H không tu chí làm ăn, chơi bời và nghiện ma túy. Vợ chồng đã ly thân một thời gian. Nay chị N có đơn ly hôn, chính quyền địa phương có ý kiến: đề nghị Tòa căn cứ vào thực tế và quy định của pháp luật để giải quyết đảm bảo quyền lợi cho các đương sự.

Xét thấy: Cuộc sống giữa chị N và anh H mãi thuận từ lâu đã đến mức trầm trọng, sống ly thân, mục đích hôn nhân không đạt. Hội đồng xét xử chấp nhận đơn xin ly hôn của chị N là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình.

[3] Về con chung: Chị Hoàng Thị Bích N và anh Dương Văn H có 02 con chung là cháu Dương Huyền A – sinh ngày 27/4/2014 và Dương Thị Bảo C – sinh ngày 02/01/2018. Chị N và anh H đều có quan điểm đề nghị Tòa cho được nuôi cả hai con.

Xét về điều kiện chăm sóc, môi trường sinh hoạt và nguyện vọng cũng như tuổi của các cháu thì Hội đồng xét xử thấy: chị N và anh H đều chưa có nhà riêng, hiện đang ở chung cùng với bố mẹ đẻ. Chị N hiện đang là công nhân có thu nhập từ 6.000.000đ đến 9.000.000đ/tháng. Anh H trình bày anh làm nghề sửa chữa xe ô tô thu nhập 15.000.000đ/tháng nhưng không xuất trình được tài liệu chứng minh anh có công việc, thu nhập ổn định. Hai cháu đều là con gái, cháu Huyền A có nguyện vọng ở với chị N; cháu C còn nhỏ nên rất cần sự chăm sóc trực tiếp của người mẹ. Mặc dù vợ chồng sống ly thân nhưng chị N vẫn về thăm nom, có trách nhiệm với các con; đồng thời anh H là đối tượng nghiện ma túy. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần giao con cho chị N nuôi dưỡng là phù hợp, đảm bảo cho các cháu được nuôi dưỡng, chăm sóc tốt nhất.

Chính quyền địa phương cũng có quan điểm đề nghị Tòa căn cứ thực tế giải quyết để đảm bảo sự ổn định và quyền lợi, sự phát triển của trẻ em để chị N nuôi dưỡng cả hai cháu.

Vì vậy, giao chị N nuôi cả hai cháu là phù hợp với khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Chị N không đề nghị anh H cấp dưỡng tiền nuôi con nên tạm hoãn tiền cấp dưỡng nuôi con đối với anh H cho đến khi có thay đổi khác; anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở là phù hợp Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản, công nợ chung và các vấn đề khác: Chị Hoàng Thị Bích N và anh Dương Văn H không đề nghị Tòa giải quyết.

[5] Về án phí và quyền kháng cáo: Chị Hoàng Thị Bích N phải nộp án phí ly hôn và các đương sự đều được quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 227, 228, khoản 4 Điều 147, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chị Hoàng Thị Bích N được ly hôn anh Dương Văn H.

2. Về con chung: Chị Hoàng Thị Bích N và anh Dương Văn H có 02 con chung. Giao chị N là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cả hai con chung là cháu Dương Huyền A – sinh ngày 27/4/2014 và Dương Thị Bảo C – sinh ngày 02/01/2018; tạm hoãn tiền cấp dưỡng nuôi con đối với anh H cho đến khi có đề nghị thay đổi khác. Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản, công nợ chung và các vấn đề khác: Chị Hoàng Thị Bích N và anh Dương Văn H đều không yêu cầu Tòa giải quyết.

4. Về án phí: Chị Hoàng Thị Bích N phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số: 0057847 ngày 17 tháng 01 năm 2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND TP Hà Nội;
- VKSND huyện Ứng Hoà;
- Chi cục THADS Ứng Hoà;
- Cơ quan thực hiện ĐKKH;
- Các đương sự;
- Lưu hs; V/P./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Văn Thiện